

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST  
Ngày: 20-02-2025  
Vv Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Lê;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1982; nơi thường trú: Thôn 3, xã M, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nơi tạm trú: Tổ 8, khu phố A, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đới Thị T, sinh năm 1989; nơi thường trú: Tổ 1, khu phố L, phường P, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày: Ngày 13/3/2024, bà H cho bà Đới Thị T vay số tiền

165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất theo quy định của pháp luật, thời hạn vay không xác định thời hạn. Việc vay tiền được lập thành văn bản là Hợp đồng vay tài sản ngày 13/3/2024. Thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên, bà H đã giao đủ cho bà T số tiền 165.000.000 đồng.

Do có nhu cầu cần tiền để kinh doanh nên ngày 06/8/2024, bà H có gửi Thông báo yêu cầu trả nợ đến bà T. Theo đó, bà H yêu cầu bà T trong vòng 10 ngày kể từ ngày 06/8/2024 đến hết ngày 16/8/2024, trả lại cho bà H tổng số tiền 165.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tương ứng với khoản vay tại Hợp đồng vay tài sản ngày 13/3/2024. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn theo thông báo nhưng bà T không trả nợ cho bà H.

Nhận thấy, việc bà T vay tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn là trái với quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Vì vậy, bà H đã khởi kiện bà T đến Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Kim H yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu bà Đới Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim H số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Yêu cầu bà Đới Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim H tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi Tòa án xét xử (ngày 20/02/2025) là 8.217.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Phạm Thị Kim H yêu cầu Đới Thị T phải có nghĩa vụ trả là 173.217.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vay tài sản ngày 13/3/2024 giữa bà Phạm Thị Kim H và bà Đới Thị T; Thông báo yêu cầu trả nợ vay ngày 06/8/2024 và Phiếu báo phát ngày 06/8/2024.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đới Thị T theo đúng quy định pháp luật; bị đơn bà Đới Thị T đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm

quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 165.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại tổ 1, khu phố L, phường P, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H yêu cầu bị đơn bà Đới Thị T có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là 8.217.000 đồng; tổng số tiền là 173.217.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Theo chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định vào ngày 13/3/2024, bị đơn bà Đới Thị T có vay của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H số tiền 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng); việc vay mượn được lập thành văn bản “Hợp đồng vay tài sản” ngày 13/3/2024 với nội dung: “...Bên A (là bà H) đồng ý cho bên B (là bà T) vay và bên B đồng ý vay của bên A số tiền 165.000.000 đồng; thời hạn vay: không xác định thời hạn; phương thức cho vay: bằng tiền mặt, bên B thừa nhận đã nhận đủ tiền trước khi ký kết Hợp đồng này; lãi suất cho toàn bộ số tiền vay là theo quy định của pháp luật...”. Tại mục “Bên B” của Hợp đồng vay tài sản ngày 13/3/2024 có chữ ký và họ tên của bị đơn bà Đới Thị T. Như vậy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật và bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh đã trả số tiền vay này cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ với số tiền vay 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 13/3/2024, hai bên thoả thuận thời hạn vay là không xác định thời hạn; lãi suất cho vay là theo quy định của pháp luật. Ngày 06/8/2024, nguyên đơn gửi Thông báo yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 165.000.000 đồng trong thời gian 10 ngày (kể từ ngày 06/8/2024 đến hết ngày 16/8/2024). Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; về trả lãi các bên tuy có thoả thuận nhưng không xác định rõ lãi suất. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ ngày 17/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/02/2025) với số tiền 8.217.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H đối với bị đơn bà Đới Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đới Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim H tổng số tiền là 173.217.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng); trong đó, tiền gốc là 165.000.000 đồng và tiền lãi là 8.217.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

### **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Đới Thị T phải chịu 8.660.000 đồng (Tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Phạm Thị Kim H số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004424 ngày 16/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,*

*tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Lê**